

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi,
bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố về Phân cấp cho Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của UBND thành phố/Chủ tịch UBND thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố Huế;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực

hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Huế;

Căn cứ Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực hóa chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ-BCT ngày 02 tháng 5 năm 2026 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1523/TTr-SCT ngày 19 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 12 thủ tục hành chính (TTHC) mới được ban hành (*TTHC phân cấp*); 64 TTHC được sửa đổi, bổ sung và 26 TTHC bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương thành phố Huế (*Danh mục TTHC kèm theo*).

Điều 2. Sở Công Thương có trách nhiệm:

1. Đồng bộ dữ liệu TTHC mới được công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC thành phố Huế theo đúng quy định; Trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ trước ngày 26/5/2026.

2. Niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này kèm theo các nội dung đã được Bộ Công Thương công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đối với các TTHC thuộc phần I. Danh mục TTHC mới ban hành; và TTHC số thứ tự 23. Mục III. Lĩnh vực Điện. A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh. Phần II. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung của Phụ lục kèm theo Quyết định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết 19/2026/NQ-CP có hiệu lực thi hành.

Thay thế TTHC có số thứ tự từ 44 đến số 50, từ số 52 đến số 58. Mục III. Lĩnh vực Thương mại quốc tế. Phần II. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung. Phụ lục kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về Công bố danh mục thủ tục hành mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Sở Công Thương (Quyết định số 208/QĐ-UBND).

Thay thế TTHC số thứ tự 20, 21. Mục VI. Lĩnh vực Thương mại quốc tế. Phần B. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền UBND thành phố, UBND cấp xã. Phụ lục kèm theo Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố về Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Sở Công Thương (Quyết định số 3317/QĐ-UBND).

Thay thế TTHC số thứ tự 67 Mục IV. Lưu thông hàng hóa trong nước. Phần II. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung. Phụ lục kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UBND.

Thay thế TTHC số thứ tự 04, 05, 06, 07, 08 Phần 1. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Công Thương. Phụ lục kèm theo Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

Thay thế TTHC số thứ tự 73, 75, 76, 77, 78, 79, 80. Mục V. Lĩnh vực Điện lực. Phần II. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung. Phụ lục kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UBND.

Thay thế TTHC số thứ tự 61, 65, 66, 70. Mục VIII. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng Phụ lục kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế Công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND thành phố ủy quyền giải quyết cho Giám đốc Sở Công Thương trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương thành phố Huế (Quyết định số 256/QĐ-UBND).

Thay thế TTHC số thứ tự 07, 08. Mục V. Xúc tiến thương mại. B. Danh mục TTHC được sửa đổi bổ sung thuộc thẩm quyền UBND thành phố, UBND cấp xã. Phụ lục kèm theo Quyết định số 3317/QĐ-UBND.

Thay thế TTHC số thứ tự 32, 33, 36. Mục I. lĩnh vực xuất khẩu. Phần II. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung thành phố. Phụ lục kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UBND.

Thay thế TTHC số thứ tự 04, 05. Mục I. Lĩnh vực xuất nhập khẩu. Phần I. 1. Danh mục TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố. Phụ lục kèm theo Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Sở Công Thương.

Thay thế TTHC có số thứ tự từ số 04, 05, 06, 07, 08, 16, 17, 18, 19, 20. Phụ lục kèm theo Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế Công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND thành phố ủy quyền giải quyết cho Giám đốc Sở Công Thương trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương thành phố Huế.

Thay thế TTHC số thứ tự 03. Mục III. Lĩnh vực Cụm Công nghiệp. B. Danh mục TTHC được sửa đổi bổ sung thuộc thẩm quyền UBND thành phố, UBND cấp xã. Phụ lục kèm theo Quyết định số 3317/QĐ-UBND.

Bãi bỏ Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính

mới ban hành trong lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

Bãi bỏ Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

Bãi bỏ TTHC số thứ tự 54, 55, 56. Mục VI. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa. Phụ lục kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND.

Bãi bỏ TTHC số thứ tự 60, 61, 68, 70. Mục IV. Lưu thông hàng hóa trong nước. Phần II. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung. Phụ lục kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UBND.

Bãi bỏ TTHC số thứ tự 73, 74, 76, 77, 79. Mục XII. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa. Phần I. Phụ lục kèm theo Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch UBND Thừa Thiên Huế Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bãi bỏ TTHC số thứ tự 64, 68, 69. Mục VIII. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng. Phụ lục kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND.

Bãi bỏ TTHC số thứ tự 74, 75, 78, 84, 85, 86, 87. Mục X. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu. Phụ lục kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND.

Bãi bỏ TTHC số thứ tự 02. Mục I. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu. Phần I. Danh mục TTHC mới ban hành. Phụ lục kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UBND.

Bãi bỏ TTHC số thứ tự 03, 04. Mục I. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước. Phần II. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung. Phụ lục kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UBND.

Bãi bỏ TTHC số thứ tự 24. Mục B. Thủ tục hành chính cấp xã. Phần. 2. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết UBND thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã. Phụ lục kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Trung tâm PVHCC thành phố;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, KSTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Văn Tuấn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG
MỘT SỐ LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

I. Danh mục Thủ tục hành chính mới ban hành (TTHC phân cấp)

TT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực Hóa chất						
1.	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1.014700	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tiền chất công nghiệp thuộc Phụ lục III của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP)	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15. - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương

						định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
2.	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1.014701	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan

				chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia		thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày	thực hiện: Sở Công Thương
--	--	--	--	--	--	---	--------------------------------------

						29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
3.	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1.014702	- 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương

						về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. + Nghị quyết 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
4.	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	1.014703	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	+ Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; + Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương

					hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; + Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; + Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ	
--	--	--	--	--	--	--

						tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
5.	Cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	1.014707	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	+ Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; + Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; + Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương

						phẩm, hàng hóa. + Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
6.	Cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	1.014708	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	+ Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; + Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; + Thông tư số	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương

					01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. + Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
--	--	--	--	--	---	--

7.	Cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	1.014709	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	+ Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; + Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; + Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. + Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương
----	---	----------	---	--	---	---	---

						Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
8.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	1.013340	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không.	+ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; + Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; + Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; + Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; + Luật Bảo vệ môi	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương

					trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; + Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy; + Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ. + Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	
--	--	--	--	--	---	--

						ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
9.	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	1.013350	- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không.	+ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; + Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; + Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; + Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương

						+ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; + Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy; + Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ. + Nghị quyết số	
--	--	--	--	--	--	---	--

						66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
10.	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	1.013351	- 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	+ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; + Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; + Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; + Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương

					trong hoạt động hóa chất.	năm 2018; + Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; + Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy; + Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa hiểm trên đường bộ.	
--	--	--	--	--	---	--	--

						+ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
II	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu						
11.	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương	1.012168	05 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	+ Nghị định số 77/2023/NĐ-CP của Chính phủ + Nghị quyết 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. + Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương

						thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
12.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA	1.012527	05 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	+ Nghị định số 66/2024/NĐ-CP của Chính phủ + Nghị quyết 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. + Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương

						cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	
--	--	--	--	--	--	--	--

II. Danh mục Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh, cấp xã

TT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý -	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, bổ sung
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh							
I	Lĩnh vực Thương mại quốc tế							
1.	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1.000376	07 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến bộ ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến bộ ngành)	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản 1.1 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026

					Công Thương. (ii) Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (iii) Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. (iv) Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực		
--	--	--	--	--	--	--	--

					hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (v) Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán		
--	--	--	--	--	---	--	--

					hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. (vi) Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 20 ngày 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (vii) Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-		
--	--	--	--	--	--	--	--

						BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
2.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000129	05 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến bộ quản lý chuyên ngành)	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản 1.2 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (iii) Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. (iv) Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính		
--	--	--	--	--	--	--	--

					phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (v) Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp		
--	--	--	--	--	---	--	--

					đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. (vi) Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 20 ngày 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (vii) Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ		
--	--	--	--	--	--	--	--

						trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
3.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000063	07 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành)	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Thực hiện theo quy định về mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản II.1 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (iii) Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. (iv) Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính	Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.		
--	--	--	--	--	--	--	--	--

					phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (v) Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp		
--	--	--	--	--	---	--	--

					đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. (vi) Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 20 ngày 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (vii) Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ		
--	--	--	--	--	--	--	--

						trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
4.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000347	05 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành)	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Thực hiện theo quy định về mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm	Sở Công Thương	Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản II.2 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026

					Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam do Bộ Tài chính quy định.	2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (iii) Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. (iv) Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25		
--	--	--	--	--	---	---	--	--

					tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (v) Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán		
--	--	--	--	--	---	--	--

					hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. (vi) Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 20 ngày 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (vii) Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số		
--	--	--	--	--	---	--	--

						điều của Thông tư số 38/2025/TT- BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
5.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (trừ các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn;	2.000255	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Luật thương	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản III Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

	gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí)				mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định số 09/2018/NĐ- CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua		
--	--	--	--	--	---	--	--

						bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.		
6.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền	2.000370	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc Sở Công Thương	Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản IV Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày	

	phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn				phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; (ii) Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định		29/4/2026
--	---	--	--	--	---	--	-----------

					số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công		
--	--	--	--	--	--	--	--

						ng nghiệp và thương mại.		
7.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	2.000362	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản V Nghị quyết số 19/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026</i>

					đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có		
--	--	--	--	--	---	--	--

						vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.		
8.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	2.000351	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản VI Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và		
--	--	--	--	--	--	--	--

						các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.		
9.	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000330	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản VII Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày</i>

					thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định		29/4/2026
--	--	--	--	--	---	--	-----------

					số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực		
--	--	--	--	--	---	--	--

						công nghiệp và thương mại.		
10.	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	2.000272	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản VIII Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định		
--	--	--	--	--	--	--	--

						số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.		
11.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	2.000361	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản IX Nghị quyết số 19/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026</i>

					(iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư		
--	--	--	--	--	--	--	--

						nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.		
12.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1.000774	58 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; (ii) Luật thương mại ngày 14	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản X Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					tháng 6 năm 2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và		
--	--	--	--	--	--	--	--

						các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.		
13.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	2.000322	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản XI Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					quản lý của Bộ Công Thương (ii) Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; (i) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết		
--	--	--	--	--	---	--	--

						Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.		
14.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác	2.002166	58 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2,</i>

	và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành của hàng tiện lợi, siêu thị mini		lệ.	công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia		giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều		<i>tiểu mục B, khoản XII Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>
--	---	--	-----	--	--	--	--	---

					kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025		
--	--	--	--	--	---	--	--

						của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.		
15.	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1.001441	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; (ii) Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản XIII Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực		
--	--	--	--	--	--	--	--

						tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.		
16.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	2.000662	55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	(i) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục B, khoản XIV Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					quản lý của Bộ Công Thương. (ii) Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; (iii) Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; (iv) Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; (v) Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; (vi) Nghị định số 09/2018/NĐ-		
--	--	--	--	--	--	--	--

					CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (vii) Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và		
--	--	--	--	--	--	--	--

						thương mại.		
II	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa							
17.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000673	Bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	T heo quy định của Bộ Tài chính.	+ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời gian giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục G, Khoản IV.1.a) Nghị quyết số 19/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026</i>

					tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của		
--	--	--	--	--	--	--	--

					Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 17/2021/TT- BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT- BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;		
--	--	--	--	--	--	--	--

						+ Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương.		
18.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện	2.000669	Năm (05) ngày làm việc kể	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã.	Theo quy định	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời gian giải quyết (Phụ</i>

	làm đại lý bán lẻ xăng dầu		từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	của Bộ Tài chính.	tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương; + Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của		<i>lục III, Mục 2, Tiểu mục G, Khoản IV.1.b)</i> <i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>
--	----------------------------	--	--------------------------------	--	-------------------	---	--	--

					Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 80/2023/NĐ- CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 38/2014/TT- BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công		
--	--	--	--	--	---	--	--

					Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 17/2021/TT- BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT- BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị		
--	--	--	--	--	--	--	--

						định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu.		
19.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000672	Năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Theo quy định của Bộ Tài chính	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời gian giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục G, Khoản IV.1.b) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày</i>

					kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương + Nghị định số 83/2014/NĐ- CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 80/2023/NĐ- CP ngày 17		29/4/2026
--	--	--	--	--	---	--	-----------

					tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9		
--	--	--	--	--	---	--	--

					năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng		
--	--	--	--	--	--	--	--

						dầu; + Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu.		
20.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000648	Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Theo quy định của Bộ Tài chính	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương + Nghị định số 83/2014/NĐ-	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục G, Khoản IV) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số		
--	--	--	--	--	--	--	--

					95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 38/2014/TT- BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 17/2021/TT-		
--	--	--	--	--	--	--	--

					BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ		
--	--	--	--	--	--	--	--

						trường Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu.		
21.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000645	Năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Theo quy định của Bộ Tài chính	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương + Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục G, Khoản IV) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 80/2023/NĐ- CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9		
--	--	--	--	--	--	--	--

					năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số		
--	--	--	--	--	---	--	--

					điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh		
--	--	--	--	--	--	--	--

						doanh xăng dầu.		
22.	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000647	năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Theo quy định của Bộ Tài chính	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương; + Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục G, Khoản IV) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 38/2014/TT-		
--	--	--	--	--	--	--	--

					BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ		
--	--	--	--	--	---	--	--

						trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; + Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu.		
III	Lĩnh vực Điện							
23.	Cấp phép động điện	Giấy hoạt phát thuộc	1.013401	10 ngày làm việc		Theo quy định	Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;	Cơ quan quyết định: <i>(TTHC này được bổ sung thêm:</i>

	thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ¹				của Bộ trưởng Bộ Tài chính	+ Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt	UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	Đối với trường hợp cấp Giấy phép hoạt động điện lực cho các nhà máy điện rác, điện sinh khối có quy mô công suất dưới 50 MW; các nguồn khác dưới 30 MW theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi
--	--	--	--	--	----------------------------	--	---	--

¹ Được bổ sung thêm Đối với trường hợp cấp Giấy phép hoạt động điện lực cho các nhà máy điện rác, điện sinh khối có quy mô công suất dưới 50 MW; các nguồn khác dưới 30 MW theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại khoản 1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.

					giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	<i>tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại khoản 1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ</i> <i>- Căn cứ pháp lý</i> <i>- Thời gian giải quyết: khoản 2 Phần C Phụ lục I ban hành kèm</i>
--	--	--	--	--	--	--

								<i>theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ</i>
24.	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013411	10 ngày làm việc		Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; + Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	- Căn cứ pháp lý - Thời gian giải quyết: Phần D Mục 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ

						+ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương		
25.	Cấp phép động buôn	Giấy hoạt bán điện	1.013412	10 ngày làm việc		Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;	Cơ quan quyết định:	- Căn cứ pháp lý

	thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh					+ Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản	UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	
--	---	--	--	--	--	--	---	--

					xuất, kinh doanh. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương		
26.	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013416	10 ngày làm việc		Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; + Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. + Nghị định số 146/2025/NĐ-	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	<i>- Thời gian giải quyết: Phần D Mục 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2026/NQ- CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ</i>

					CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục		
--	--	--	--	--	---	--	--

						hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương		
27.	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	1.013417	07 ngày làm việc			Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; + Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	- Căn cứ pháp lý

						CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương		
28.	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp	1.013418	07 ngày làm việc			Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; + Nghị định số 61/2025/NĐ-CP	Cơ quan quyết định: UBND thành	- Thời gian giải quyết: Phần D Mục 2 Phụ lục III ban hành kèm

	của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh					ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.	phổ; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	<i>theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ</i>
--	------------------------------	--	--	--	--	---	--	---

						+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương		
29.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013419	07 ngày làm việc			Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; + Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	- Căn cứ pháp lý

					2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh		
--	--	--	--	--	---	--	--

						thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương		
30.	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng.	1.013420	07 ngày làm việc			Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; + Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. + Nghị quyết số	Cơ quan quyết định: UBND thành phố; Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	- Thời gian giải quyết: Phần D Mục 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ

						66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương		
IV	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng							

31.	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.000981	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Cổng Dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi của Bộ Công Thương; + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; + Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14	Sở Công Thương	<i>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính quy định tại mục I phần B phụ lục II NQ 19/2026/NQ-CP</i>
-----	--	----------	--	---	---	--	----------------------	--

					tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP + Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến		
--	--	--	--	--	--	--	--

					điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; + Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục		
--	--	--	--	--	---	--	--

						hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
32.	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	1.000172	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Cổng Dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi của Bộ Công Thương; + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ quy định tại tiểu mục III phần E mục 2 phụ lục III NQ 19/2026/NQ-CP</i>

					kinh doanh thuốc lá. + Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. + Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh		
--	--	--	--	--	---	--	--

					thuốc lá. + Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương		
--	--	--	--	--	---	--	--

						sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
33.	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	1.000949	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Cổng Dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi của Bộ Công Thương; + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ quy định tại tiểu mục I phần E mục 2 phụ lục III NQ 19/2026/NQ-CP</i>

					định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. + Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. + Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết		
--	--	--	--	--	--	--	--

					một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. + Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19		
--	--	--	--	--	--	--	--

						tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
34.	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	1.001335	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Cổng Dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi của Bộ Công Thương; + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6	Sở Công Thương	+ <i>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính quy định tại mục II phần B phụ lục II NQ 19/2026/NQ-CP</i> + <i>Thành phần hồ sơ quy định tại tiểu mục II phần E mục 2 phụ lục III NQ 19/2026/NQ-</i>

					năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. + Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. + Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ		CP
--	--	--	--	--	---	--	----

					Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. + Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. + Thông tư số		
--	--	--	--	--	---	--	--

						38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
V	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại							
35.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2.002604	+) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ +) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định.	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời hạn giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản III Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

			sơ trong trường hợp phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.		quản lý của Bộ Công Thương; +) Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương; +) Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một		
--	--	--	---	--	--	--	--

						số biện pháp phát triển ngoại thương.		
36.	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1.001391	Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định.	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; +) Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương; +) Nghị định	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời hạn giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản IV Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

						số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương.		
37.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1.001384	+) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định.	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời hạn giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản V Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

			CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP; +) Trong thời hạn 26 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP.		Công Thương; +) Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương; +) Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp		
--	--	--	---	--	--	--	--

						phát triển ngoại thương.		
38.	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1.001076	Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định.	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; +) Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương; +) Nghị định số 14/2024/NĐ-	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời hạn giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản VI Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

						CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương.		
39.	Chấm dứt và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1.001036	Trường hợp chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, sau 15 ngày làm	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định.	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời hạn giải quyết: : quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản VII Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

			việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện mà không nhận được bất kỳ thông báo, khiếu nại, khiếu kiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ quan cấp Giấy phép xem xét, chấp thuận việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện và rút Giấy		Công Thương; +) Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương; +) Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp		
--	--	--	--	--	--	--	--

			phép vòng ngày việc.	trong 07 làm		phát triển ngoại thương		
40.	Thông báo hoạt động khuyến mại	2.000033	Không định.	Quy định.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không Quy định. +) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; +) Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; +) Nghị định	Sở Công Thương	<i>Thay đổi trình tự giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản VIII Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

						số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.		
41.	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	2.001474	Không quy định.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ	Sở Công Thương	<i>Thay đổi trình tự giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản IX Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					Công Thương; +) Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; +) Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.		
--	--	--	--	--	--	--	--

42.	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.0000004	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định.	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; +) Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; +) Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của	Sở Công Thương	<i>Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản X Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>
-----	--	-----------	---	---	-----------------	---	----------------	--

						Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.		
43.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000002	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định.	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; +) Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày	Sở Công Thương	<i>Thời gian và trình tự giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản XI Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

						22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; +) Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.		
44.	Đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại nước	2.000026	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính	Không quy định.	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của	Cơ quan quyết định: UBND	Thời gian và trình tự giải quyết: quy định tại Phụ

	ngoài		được hồ sơ.	công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia		Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; +) Nghị định số 81/2018/NĐ- CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; +) Nghị định số 128/2024/NĐ- CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	thành phố Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	<i>lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản XII Nghị quyết số 19/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026</i>
--	-------	--	-------------	---	--	---	--	---

						81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.		
45.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	2.000133	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định.	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; +) Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương	Cơ quan quyết định: UBND thành phố Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương	<i>Thời gian và trình tự giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản XIII Nghị quyết số 19/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026</i>

						mại về hoạt động xúc tiến thương mại; +) Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.		
46.	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000131	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định.	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành	Sở Công Thương	<i>Thời gian và trình tự giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản XII Nghị quyết số</i>

					chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; +) Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; +) Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết		19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026
--	--	--	--	--	---	--	-------------------------------------

						Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.		
47.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000001	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không quy định	+) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; +) Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; +) Nghị định	Sở Công Thương	<i>Thời gian và trình tự giải quyết: quy định tại Phụ lục III, Mục 2, tiểu mục A, khoản XIII Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

						số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.			
VI	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu								
48.	Cấp phép doanh nhập, xuất	Giấy kinh tạm tái	1.001062	05 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	+ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại	Sở Công Thương	Thay đổi thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục H, Khoản 1.1) Nghị quyết số 19/2026/NQ-

					thương; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương + Thông tư số 12/2018/TT-		<i>CP</i> ngày 29/4/2026
--	--	--	--	--	---	--	---------------------------------

					BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính		
--	--	--	--	--	--	--	--

						trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
49.	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	1.000890	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	+ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; + Nghị quyết	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục H, Khoản 1.2 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026)</i>

					số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương + Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một		
--	--	--	--	--	---	--	--

						số điều của Luật Quản lý ngoại thương; + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
50.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện	1.000350	Không quá 15 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	+ Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời hạn giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục H, Khoản III.1) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày</i>

	tại Việt Nam					thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi		29/4/2026
--	--------------	--	--	--	--	--	--	-----------

					quản lý của Bộ Công Thương; + Thông tư 28/2012/TT-BCT ngày 27/9/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính		
--	--	--	--	--	---	--	--

						trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
51.	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1.005405	Không quá 10 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	+ Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời hạn giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục H, Khoản III.2) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

					lĩnh vực công nghiệp và thương mại; + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; + Thông tư 28/2012/TT-BCT ngày 27/9/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài		
--	--	--	--	--	---	--	--

						không có hiện diện tại Việt Nam; + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương		
52.	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện	1.005406	Không quá 15 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	+ Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời hạn giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục H, Khoản III.3) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày</i>

	tại Việt Nam					thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi		29/4/2026
--	--------------	--	--	--	--	--	--	-----------

					quản lý của Bộ Công Thương; + Thông tư 28/2012/TT-BCT ngày 27/9/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính		
--	--	--	--	--	---	--	--

						trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;		
53.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	1.001238	Không quá 2 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	+ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; + Nghị quyết	Sở Công Thương	<i>Thay đổi thời hạn giải quyết (Phụ lục III, Mục 2, Tiểu mục H, Khoản IV) Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026</i>

						số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; + Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu		
VII	Lĩnh vực Hóa chất							
54.	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	1.014728	- 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính	T ổ chức thực hiện nộp	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số	Sở Công Thương	- Thành phần hồ sơ (quy định tại Điều 5 Nghị quyết

	nhóm 2		cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính) - 16 ngày làm việc (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)	công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.	26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về	số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ) - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ)
--	--------	--	--	---	---	--	--

						quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
55.	Cấp phép doanh chất kiểm đặc nhóm 2	Giấy kinh hóa cần soát biệt	1.014732	- 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính)	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định	Sở Công Thương	- Thành phần hồ sơ (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ) - Yêu cầu, điều kiện thực

			- 16 ngày làm việc (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)		của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.	động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP		<i>hiện thủ tục hành chính (quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ)</i>
--	--	--	--	--	--	---	--	---

						ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
56.	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1.014735	- 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính) - 16 ngày làm việc (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-	Sở Công Thương	- Thành phần hồ sơ (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ) - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày

			phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)		sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.	BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện		29/4/2026 của Chính phủ)
--	--	--	---	--	---	---	--	-----------------------------

						kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
57.	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	1.014734	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất,	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và	Sở Công Thương	- Thành phần hồ sơ (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ) - Thời gian giải quyết (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ)

					kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.	Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.			
58.	Cấp chỉnh phép xuất,	điều Giấy sản kinh	1.014733	- 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bru chính	Tổ chức thực hiện	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số	Sở Công Thương	- Thành phần hồ sơ (quy định tại Điều 5 Nghị quyết

doanh chất kiểm đặc nhóm 2	hóa cần soát biệt		lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính) - 16 ngày làm việc (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)	công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về	số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ) - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ)
--	----------------------------	--	---	---	--	--	--

						quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
59.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện	1.014721	12 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt	Sở Công Thương	- Thành phần hồ sơ (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ) - Yêu cầu, điều kiện thực

					pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.	động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP	<i>hiện thủ tục hành chính (quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ)</i>
--	--	--	--	--	--	--	--

						ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
60.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện	1.014720	12 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ	Sở Công Thương	- Thành phần hồ sơ (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ) - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày

					cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện. trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh		29/4/2026 của Chính phủ)
--	--	--	--	--	---	--	--------------------------

						thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
61.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện	1.014714	12 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số	Sở Công Thương	- Thành phần hồ sơ (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ) - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ)

					xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.	26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
62.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh	2.002834	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích.	Tổ chức thực hiện nộp	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP	Sở Công Thương	- Thành phần hồ sơ (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số

	doanh hóa chất có điều kiện			- Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	phí thảm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.	của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT- BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt		19/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ) - Thời gian giải quyết (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 19/2026/NQ- CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ)
--	-----------------------------------	--	--	--	---	--	--	---

						động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
63.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	1.014710	12 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất	Sở Công Thương	- Thành phần hồ sơ (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ) - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

					luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.	và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4	<i>hành chính (quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ)</i>
--	--	--	--	--	---	--	---

						năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.		
VIII	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương							
64.	Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp	1.012427	43 ngày	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn	Không thu phí	+ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. + Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền	Sở Công Thương	+ Thành phần hồ sơ quy định tại phần I mục 2 phụ lục III NQ 19/2026/NQ-CP + Thời gian giải quyết quy định tại phần I mục 2 phụ lục III NQ 19/2026/NQ-CP

					của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. + Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.		
--	--	--	--	--	--	--	--

III. Danh mục Thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
-----	---------	------------------------	--	----------	-------------------

			chính		
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1.	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
2.	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
3.	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
4.	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
5.	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
6.	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
7.	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
8.	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
9.	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
10.	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		Lưu thông hàng hóa	Sở Công Thương

				trong nước	
11.	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
12.	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công Thương
13.	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá		Công nghiệp tiêu dùng	Sở Công Thương
14.	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Công nghiệp tiêu dùng	Sở Công Thương
15.	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá		Công nghiệp tiêu dùng	Sở Công Thương
16.	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Xuất nhập khẩu	Sở Công Thương
17.	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh		Xuất nhập khẩu	Sở Công Thương
18.	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất		Xuất nhập khẩu	Sở Công Thương
19.	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt		Xuất nhập khẩu	Sở Công Thương
20.	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng		Xuất nhập khẩu	Sở Công Thương
21.	2.001264	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái		Xuất nhập	Sở Công

		xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới		khẩu	Thương
22.	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép		Xuất nhập khẩu	Sở Công Thương
23.	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế		Xuất nhập khẩu	Sở Công Thương
B. Thủ tục hành chính cấp xã					
1.	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp xã
2.	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp xã
3.	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp xã

*** Ghi chú:**

- Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Công Thương công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).